

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:

Ảnh màu
4x6

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: LUẬT HỌC; Chuyên ngành: LUẬT QUỐC TẾ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN THẮNG LONG

2. Ngày tháng năm sinh: 08/152/1973; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh C.15.02, chung cư ParcSpring, 537 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): C.109, chung cư ParcSpring, 537 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0979213099; E-mail: ttlone@hcmulaw.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1997 đến 2013: là giảng viên luật, công tác tại Khoa Luật Quốc tế, trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

- Từ năm 2013 đến 2018: là giảng viên luật, công tác tại Bộ môn tiếng Anh pháp lý, trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, chức vụ phó trưởng Bộ môn.

- Từ năm 2018 đến nay: là giảng viên luật, công tác tại Khoa Ngoại ngữ pháp lý, trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh, chức vụ phó trưởng Khoa (phụ trách).

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Khoa (Phụ trách); thành viên Hội đồng Khoa học đào tạo trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa (Phụ trách).

Cơ quan công tác hiện nay: trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Số 2 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (028) 3940 0989.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: năm:

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH: ngày 17 tháng 7 năm 1997, ngành: Luật kinh tế, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng đại học (trường, nước): trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS: ngày 09 tháng 09 năm 2003, ngành: Luật học, chuyên ngành: Luật Kinh tế, những vấn đề trọng tài.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS: ngày 18 tháng 05 năm 2012, ngành: Luật.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): trường Đại học La Trobe, Australia.

- Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm , ngành , chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PHÓ GIÁO SƯ tại HĐGS cơ sở: trường đại học Luật Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PHÓ GIÁO SƯ tại HĐGS ngành, liên ngành:
LUẬT HỌC

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Pháp luật quốc tế

- Pháp luật thương mại quốc tế và pháp luật về đầu tư quốc tế

- Pháp luật về cạnh tranh

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **00** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **20** (hai mươi) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **02** (hai) cấp cơ sở ;
- Đã công bố (số lượng) **43** (bốn mươi ba) bài báo KH, trong đó **05** (năm) bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **00** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **09** (chín), trong đó đều thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **00**

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo về việc đạt giải **Nhì** giải thưởng “Sinh viên Nghiên cứu Khoa học” năm 1997.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo về việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013 – 2014.
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở liên tục **07** (bảy) năm liền (từ năm 2013 đến năm 2019).
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá đáp ứng đầy đủ mọi tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của luật giáo dục.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số **17** (mười bảy) năm **07** (bảy) tháng (có 05 năm không tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên do đi làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài từ 2006 đến 2011).
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	0	0	03	01	270	90	360/580/360
2	2015-2016	0	0	03	01	240	90	330/525/270
3	2016-2017	0	0	03	02	230	90	320/510/270

3 năm học cuối								
4	2017-2018	0	0	02	01	225	120	345/575/270
5	2018-2019	0	0	01	02	270	30	300/485/270
6	2019-2020	0	0	03	02	230	60	290/470/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- **Phản biện luận án nghiên cứu sinh: 02** (hai) nghiên cứu sinh.

(1) Hà Ngọc Anh, Luận án tiến sĩ “Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế ở Việt Nam”, bảo vệ cấp cơ sở, quyết định số 1202/QĐ-ĐHL ngày 29/08/2017.

(2) Hà Ngọc Anh, Luận án tiến sĩ “Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế ở Việt Nam”, bảo vệ cấp trường, quyết định số 1825/QĐ-ĐHL ngày 29/12/2017.

(3) Phạm Hoài Huân, Luận án tiến sĩ “Pháp luật về kiểm soát các thỏa thuận sử dụng giá để hạn chế cạnh tranh”, bảo vệ cấp cơ sở, quyết định số 1692/QĐ-ĐHL ngày 07/12/2017.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Australia năm 2011, cấp bằng ngày 18/5/2012.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hồng		X	X		Từ 14/05/2012 –	Đại học Luật TP. HCM	03/2013

	Phượng					23/11/2012		
2	Nguyễn Thị Hà Phương		X	X		Từ 14/05/2012 – 23/11/2012	Đại học Luật TP. HCM	06/2014
3	Trần Duy Thảo Ly		X	X		Từ 15/12/2012 – 15/06/2013	Đại học Luật TP. HCM	01/2014
4	Phạm Lê Ninh		X	X		Từ 15/12/2012 – 15/06/2013	Đại học Luật TP. HCM	01/2014
5	Huỳnh Văn Thi		X	X		Từ 15/12/2012 – 15/6/2013	Đại học Luật TP. HCM	06/2014
6	Phan Thị Thu Hà		X	X		Từ 08/04/2013 – 08/10/2013	Đại học Luật TP. HCM	12/2014
7	Nguyễn Thị Nhật Linh		X	X		Từ 11/12/2013 – 01/7/2014	Đại học Luật TP. HCM	10/2014
8	Nguyễn Văn Tuấn		X	X		Từ 11/12/2013 – 01/7/2014	Đại học Luật TP. HCM	05/2015
9	Lê Văn Lên		X	X		Từ 11/12/2013 – 01/7/2014	Đại học Luật TP. HCM	08/2016
10	Bùi Kim Ngân		X	X		Từ 11/12/2013 – 01/7/2014	Đại học Luật TP. HCM	11/2016
11	Võ Thị Nhật Phương		X	X		Từ 11/12/2013 – 01/7/2014	Đại học Luật TP. HCM	12/2016
12	Nguyễn Thị Mỹ Trang		X	X		Từ 25/12/2014 – 01/7/2015	Đại học Luật TP. HCM	08/2016
13	Nguyễn Phạm Song Ngân		X	X		Từ 25/12/2014 – 01/7/2015	Đại học Luật TP. HCM	11/2016
14	Hà Thị Hạnh		X	X		Từ 25/12/2014 – 01/7/2015	Đại học Luật TP. HCM	12/2016
15	Huỳnh Ngọc Thúy Tiên		X	X		Từ 29/01/2016 – 01/08/2016	Đại học Luật TP. HCM	11/2017
16	Trần Thị Hồng Hạnh		X	X		Từ 14/04/2016 –	Đại học Luật TP. HCM	10/2017

						31/10/2016		
17	Nguyễn Thị Thùy Linh		X	X		Từ 14/04/2016 – 31/10/2016	Đại học Luật TP. HCM	11/2017
18	Chung Lê Hồng Ân		X	X		Từ 24/04/2017 – 24/10/2017	Đại học Luật TP. HCM	11/2018
19	Lê Minh Nhựt		X	X		Từ 24/04/2017 – 24/10/2017	Đại học Luật TP. HCM	11/2018
20	Lương Hồng Quang		X	X		Từ 24/04/2017 – 24/10/2017	Đại học Luật TP. HCM	12/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
1.	<i>The Application of Competition Law to Vietnam's State Monopolies – A Comparative Perspective</i>	CK	Nxb. Lambert Academic Publishing, ISBN: 978-3-659-42515-8, Berlin, năm 2013	01	Chủ biên	626 trang	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>
2.	<i>Giáo trình Công pháp quốc tế (quyển 1)</i>	GT	Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, năm 2013	06		Tác giả của Chương III, (tr. 165 – 224). Đồng tác giả của Chương I (tr. 16 – 90) và Chương VI, (tr. 409 – 479)	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>

3.	<i>Giáo trình Công pháp quốc tế (quyển 2)</i>	GT	Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, năm 2013	08	Đồng chủ biên	Tác giả của Chương VIII, (tr. 16 – 70) và Chương XI (tr. 200 – 277) Đồng tác giả của Chương IX (tr. 71 – 157) và Chương XIV (tr. 420 – 493)	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>
4.	<i>Quyền con người trong luật quốc tế và pháp luật Việt Nam</i>	CK	Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, năm 2014	07		Tác giả của Chương 1 (tr. 17 – 65), Chương 2 (tr. 66 – 127) và Chương 4 (tr. 209 – 266)	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>
5.	<i>Những khía cạnh pháp lý liên quan đến sự kiện Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải Dương 891 trong vùng biển Việt Nam</i>	CK	Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, năm 2014	15		Tác giả của bài số 10 (tr. 167 – 186)	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>
6.	<i>Legal Issues regarding the Incident of China's Placement of the Oil Rig Haiyang Shiyu 981 in Vietnam's EEZ and CS</i>	CK	Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, năm 2015	11		Tác giả của bài số 8 (tr. 121 – 138)	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>
7.	<i>Cẩm nang về giải quyết tranh chấp theo Công ước Liên Hợp quốc về luật biển năm 1982</i>	CK	Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, năm 2017	11		Đồng tác giả phần II (tr. 21 – 61) và phần IV (tr. 78 – 129)	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>

8.	<i>Phán quyết điển hình của cơ quan tài phán quốc tế – Tóm tắt và bình luận</i>	CK	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2020	04	Chủ biên	Tác giả của Chương 1 (tr. 11 – 78) Đồng tác giả của Chương 3 (tr. 157 – 237)	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>
9.	<i>Luật Môi trường quốc tế</i>	CK	Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, năm 2020	01	Chủ biên	185 trang	<i>Trong hồ sơ sẽ có xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH</i>

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: **01** (một).

STT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản, số ISBN, năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)
1	<i>The Application of Competition Law to Vietnam's State Monopolies – A Comparative Perspective</i>	CK	Nxb. Lambert Academic Publishing, ISBN: 978-3-659-42515-8, Berlin, năm 2013	01	X	626 trang

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
1	Một số vấn đề về khủng bố trong lĩnh vực hàng không (<i>Đề tài cấp cơ sở</i>)	Thành viên		2000	2000

Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
2	Vấn đề quốc tịch trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam – Định hướng sửa đổi Hiến pháp 1992 (Đề tài cấp cơ sở)	CN		2012	22/01/2013
3	Vấn đề tước quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư nước ngoài và bồi thường trong luật đầu tư quốc tế: Những vấn đề pháp lý và kinh nghiệm cho Việt Nam (Đề tài cấp cơ sở)	Thành viên		2013	2013
4	Các án lệ của Tòa án Công lý Quốc tế – Tóm tắt và bình luận (Đề tài cấp cơ sở)	CN		2013	22/06/2015
5	Hoàn thiện pháp luật về quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú, lao động của người nước ngoài tại Việt Nam (Đề tài cấp Bộ)	Thành viên		2017	19/12/2018

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	Tòa án Hình sự Quốc tế - Một số	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý			07 (14) tr. 57 –	2002

	vấn đề pháp lý cơ bản (phần 1)			(ISSN: 1859 – 3879)			61	
2	Tòa án Hình sự Quốc tế - Một số vấn đề pháp lý cơ bản (phần 2)	01	X	Tạp chí Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			08 (15) tr. 51 – 59	2002
3	Chủ quyền quốc gia trong quan hệ kinh tế quốc tế và vấn đề chủ quyền của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			04 (19) tr. 36 – 46	2003
4	Một số vấn đề cơ bản về lễ tân ngoại giao	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			05 (24) tr. 55 – 61	2004
5	Về một số cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế của ASEAN hiện nay	01	X	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (ISSN: 0866 – 7446)			12 (224) tr. 67 – 79	2006
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
6	Abuse of Market Dominance by State Monopolies in Vietnam	02	X	Houston Journal of International Law (ISSN: 0194-1879)	Tạp chí Houston Journal of International Law là tạp chí của trường Đại học University of Houston (Hoa Kỳ) là trường xếp hạng 401-500 trong bảng xếp hạng các trường đại học của Times Higher Education năm 2020, điểm 3.1.3. , mục 3, Phụ lục 1 (Ban hành kèm theo Quyết định số 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED) (https://www.timhighereducation.com/world-		34 (2) tr. 187 – 229	2012

					<u>university- rankings/universi ty-houston)</u>			
7	Vai trò của án lệ đối với sự phát triển của pháp luật quốc tế và sự cần thiết của việc sử dụng án lệ vào nghiên cứu và giảng dạy luật quốc tế ở Việt Nam hiện nay	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			04 (71) tr. 55 – 63	2012
8	Góp ý quy định về cạnh tranh và chống độc quyền trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992	01	X	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (ISSN: 0866 – 7446)			03 (299) tr. 33 – 34	2013
9	Can thiệp nhân đạo và trách nhiệm bảo vệ: hai khái niệm mới trong luật quốc tế hiện đại – Tạp chí Khoa học Pháp lý	02	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			02 (75) tr. 38 – 46	2013
10	Thực trạng pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và một số góp ý cho Dự thảo Luật đất đai sửa đổi	02	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			01 tr. 13 – 24	2013
11	Nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong luật quốc tế và sự vận dụng vào lập luận khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	02	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			05 (78) tr. 49 – 57	2013
12	Hành vi hạn chế cạnh tranh của các Hiệp hội thương mại	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			01 (80) tr. 36 – 48	2014
13	Quyền đi qua không gây hại của tàu thuyền nước	02	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 –			03 (82) tr. 64 –	2014

	ngoài trong lãnh hải theo Công ước Luật biển 1982 và Luật biển Việt Nam 2012			3879)			74	
14	Về chế định rà soát hành chính trong pháp luật chống bán phá giá của Hoa Kỳ	02	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			03 (88) tr. 74 – 80	2015
15	Một số vấn đề về chứng cứ trong thủ tục giải quyết tranh chấp tại các cơ quan tài phán quốc tế - những kinh nghiệm cho Việt Nam	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			02 (96) tr. 52 – 60	2016
16	Kinh nghiệm về đào tạo sau đại học chuyên ngành luật và khả năng áp dụng tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			03 (97) tr. 62 – 68	2016
17	Quy chế pháp lý của các công trình và thiết bị nhân tạo theo luật biển quốc tế và liên hệ với hành vi của Trung Quốc trên biển Đông	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			05 (99) tr. 62 – 68	2016
18	Impacts of the Award of the Arbitral Tribunal in the Case between the Philippines and China: An Analysis of Vietnam's Viewpoints	01	X	Asia-Pacific Journal of Ocean Law and Policy (ISSN: 2451-9367)	Tạp chí được xuất bản bởi Brill, là Nxb. thuộc nhóm B theo bảng xếp hạng của SENSE Hà Lan, nằm trong danh mục các tạp chí được NAFOSTED công nhận (điểm 3.1.2. , mục 3, Phụ lục 1 (Ban hành kèm theo Quyết định số 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED) (http://www.sens		01 tr. 183 – 209	2016

					e.nl/gfx_content/documents/2017/0626_publishers_complete.xlsx			
19	Mô hình điều chỉnh pháp luật trên cơ sở tương tác và vận dụng cho cơ quan quản lý cạnh tranh Việt Nam	01	X	Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)			09 tr. 5 – 10	2016
20	Giải thích điều ước theo Công ước Vienna 1969 về luật điều ước quốc tế và thực tiễn áp dụng của các cơ quan tài phán quốc tế - những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			07 (101) tr. 43 – 53	2016
21	Quy chế pháp lý của các thực thể lúc nổi lúc chìm trong luật biển quốc tế: liên hệ từ phán quyết trọng tài vụ Philippines – Trung quốc	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			09 (103) tr. 74 – 80	2016
22	Bàn về vấn đề thực hiện điều ước quốc tế theo Luật Điều ước quốc tế năm 2016	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			01 (104) tr. 57 – 65	2017
23	Cộng đồng kinh tế ASEAN: những thách thức về thể chế cho sự vận hành	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			04 (107) tr. 3 – 10	2017
24	Vietnam's State Monopolies: A Historical Development	01	X	Kutafin University Law Review (ISSN: 2313-5395)	Tạp chí Kutafin Law Review là tạp chí xuất bản tiếng Anh của Đại học Luật Quốc gia Kutafin Moscow (MSAL). MSAL, (tên tiếng Nga :		04 (2) tr. 361 – 387	2017

					Московский государственный юридический университет имени О. Е. Кутафина) là trường đại học nghiên cứu đầu ngành về chuyên ngành Luật			
25	Vấn đề miễn trừ đối với các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh: một vài góp ý hoàn thiện Dự thảo Luật Cạnh tranh	02	X	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (ISSN: 0866 – 7446)			11 (355) tr. 46 – 55	2017
26	Các nguyên tắc của luật quốc tế về kế thừa điều ước quốc tế và những kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			01 (113) tr. 53 – 63	2018
27	Bản về các nguyên tắc pháp luật chung trong luật quốc tế	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			03 (115) tr. 51 – 61	2018
28	Vietnam’s State Monopolies: Explanations for Competition Law Concerns	01	X	Kutařin University Law Review (ISSN: 2313-5395)			5 (1) tr. 270 – 288	2018
29	Quyền tài phán của quốc gia ven biển trong vùng đặc quyền kinh tế theo Công ước Luật Biển năm 1982 về lĩnh vực đánh bắt hải sản và bảo vệ môi trường	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			07 (119) tr. 71 – 80	2018
30	Xác định quốc tịch của nhà đầu tư là pháp nhân trong pháp luật đầu tư	02	X	Tạp chí Tòa án Nhân dân (ISSN: 1859-4875)			24 tr. 16 – 23, 48	2018

	quốc tế – Kinh nghiệm trong giải quyết tranh chấp đầu tư tại Tòa án và Trọng tài Việt Nam							
31	Mối quan hệ giữa cơ quan cạnh tranh và cơ quan quản lý ngành trong pháp luật cạnh tranh Việt Nam	01	X	Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (ISSN: 1859-2953)			22 (374) tr. 36 – 44	2018
32	Áp dụng các quy tắc giải thích điều ước quốc tế đối với các hiệp định đầu tư quốc tế – Thực tiễn áp dụng và những kinh nghiệm cho Việt Nam	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			01 (122) tr. 58 – 67	2019
33	Áp dụng quy định trường hợp ngoại lệ về môi trường trong pháp luật đầu tư quốc tế và một số so sánh với thực tiễn Việt Nam	01	X	Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (ISSN: 1859-2953)			04 (380) tr. 54 – 64	2019
34	Anti-competitive Behaviour of State Monopolies from the Economics Approach with Reference to Vietnam’s State Monopolies	01	X	Asian Journal of Law and Economics (ISSN: 2154-4611)	Tạp chí được xuất bản bởi Nhà xuất bản De Gruyter. Đây là nhà xuất bản có tên trong Danh mục Tạp chí quốc tế có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, điểm 3.1.1. , mục 3, Phụ lục 1 (Ban hành kèm theo Quyết định số 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED)		10 (1) (DOI: https://doi.org/10.1515/ajle-2018-0015)	2019
35	Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực đối với các môn chuyên ngành luật – kinh nghiệm	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			02 (123) tr. 74 – 80	2019

	áp dụng cho môn luật quốc tế							
36	Tác động của hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú, lao động của người nước ngoài đối với chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội của Việt Nam	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			04 (125) tr. 97 – 109	2019
37	Vấn đề luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư	01	X	Tạp chí Tòa án Nhân dân (ISSN: 1859-4875)			10 tr. 1 – 8	2019
38	Các nguyên tắc về bảo hộ đối với nhà đầu tư nước ngoài trong pháp luật đầu tư quốc tế – thực tiễn và một số kiến nghị cho Việt Nam	01	X	Tạp chí Tòa án Nhân dân (ISSN: 1859-4875)			12 tr. 34 – 43,47	2019
39	The application of <i>estoppel</i> in international law and experiences for Vietnam	01	X	Vietnamese Journal of Legal Sciences (VJLS) (ISSN: 2719-3004)	Bài viết được công bố quốc tế online bởi Sciendo (de Gruyter) https://content.sciendo.com/view/journals/vjls/1/1/article-p89.xml		01 (01) tr. 90 – 116	2019
40	Vấn đề quy trách nhiệm cho quốc gia tiếp nhận đầu tư trong pháp luật đầu tư quốc tế	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			05 (126) tr. 103 – 116	2019
41	Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng đầu tư quốc tế	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			04 (134) tr. 102 - 116	2020
42	Điều khoản “từ chối lợi ích” trong các hiệp định đầu tư quốc tế	01	X	Tạp chí Khoa học Pháp lý (ISSN: 1859 – 3879)			05 (135) tr. 75 –	2020

						91	
43	Về thi hành phán quyết của trọng tài đầu tư quốc tế tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Tòa án Nhân dân (ISSN: 1859-4875)	Có xác nhận đăng bài của Tạp chí	13	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **05** (năm)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Abuse of Market Dominance by State Monopolies in Vietnam	02	X	Houston Journal of International Law (ISSN: 0194-1879)	Tạp chí của trường Đại học University of Houston (Hoa Kỳ) là trường xếp hạng 401-500 trong bảng xếp hạng các trường đại học của Times Higher Education năm 2020 (https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/university-houston)		34 (2) tr. 187 – 229	2012
2	Impacts of the Award of the Arbitral Tribunal in the Case between the Philippines and China: An Analysis of Vietnam's Viewpoints	01	X	Asia-Pacific Journal of Ocean Law and Policy (ISSN: 2451-9367)	Tạp chí được xuất bản bởi Brill, là Nxb. thuộc nhóm B theo bản xếp hạng của SENSE Hà Lan nằm trong danh mục các tạp chí được NAFOSTED công nhận (http://www.sense.nl/gfx_content/documents/20170626_publishers_complete.xlsx)		01 tr. 183 – 209	2016

3	Vietnam's State Monopolies: A Historical Development	01	X	Kutafin University Law Review (ISSN: 2313-5395)	Tạp chí xuất bản tiếng Anh của Đại học Luật Quốc gia Kutafin Moscow (MSAL). MSAL, là trường đại học nghiên cứu đầu ngành về chuyên ngành Luật	04 (2) tr. 361 – 387	2017
4	Vietnam's State Monopolies: Explanations for Competition Law Concerns	01	X	Kutafin University Law Review (ISSN: 2313-5395)		5 (1) tr. 270 – 288	2018
5	Anti-competitive Behaviour of State Monopolies from the Economics Approach with Reference to Vietnam's State Monopolies	01	X	Asian Journal of Law and Economics (ISSN: 2154-4611)	Tạp chí được xuất bản bởi Nhà xuất bản De Gruyter. Đây là nhà xuất bản có tên trong Danh mục Tạp chí quốc tế có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, (Ban hành kèm theo Quyết định số 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED)	10 (1) (DOI: https://doi.org/10.1515/ajle-2018-0015)	2019

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả

1				
2				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: không có

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý (sửa đổi, bổ sung), áp dụng từ năm học 2017 – 2018;

- Tham gia xây dựng các chương trình đào tạo liên thông từ ngành ngôn ngữ Anh sang ngành Luật và từ ngành Luật, ngành quản trị kinh doanh sang ngành ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): không có

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): không có

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không có

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không có

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: không có.

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: không có

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: không có

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: không có

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: *Luật Môi trường quốc tế (Sách chuyên khảo), Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam (ứng viên là chủ biên).*

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TRẦN THĂNG LONG